

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2025

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Văn Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Bình và bà Vũ Thị Liên.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên toà:
Ông Bùi Kim Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 2005; Quê quán, nơi ở: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh Phạm Minh T1, sinh năm 2002; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên – Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Phạm Minh C, sinh ngày 10/8/2023.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Những người đại diện theo pháp luật cho cháu C: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Minh T1 (là cha mẹ đẻ của cháu C).

* *Người làm chứng:*

- Cụ Hoàng Thị V, 88 tuổi; Trú tại: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên - Vắng mặt.

- Bà Lương Thị V1, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Phạm Thị T thể hiện:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Minh T1, sinh năm 2002 ở thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện và đã được UBND xã N đăng ký kết hôn ngày 06/6/2023. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương thì anh, chị về ở cùng với mẹ chồng là bà Đinh Thị D và bà nội chồng là cụ Hoàng Thị V tại thôn T. Vợ chồng chung sống được khoảng 6 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 không chịu làm ăn mà chơi bời lêu lổng, nghiện hút ma túy, việc anh T1 nghiện hút ma túy thì chị không có căn cứ chứng minh nhưng mọi người đều biết. Chị có tham gia góp ý nhưng anh T1 không nghe cho nên anh, chị đã cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau và một vài lần anh T1 đã đánh chị. Trong thời gian sống cùng với anh T1 thì rất nhiều lần chị phải trả nợ thay cho anh T1 vì anh T1 vay tiền để chơi bời và rất nhiều lần anh T1 đã bỏ nhà đi và cắt đứt mọi liên lạc với gia đình, khi anh T1 về thì chị có hỏi đi đâu, làm gì nhưng anh T1 không trả lời vì thế anh, chị đã cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau, bên cạnh đó anh T1 không có trách nhiệm gì với vợ con, không chịu đi làm để lấy tiền chi tiêu trong sinh hoạt gia đình, anh T1 đi làm ở đâu chỉ được một hai ngày lại bị đuổi việc vì anh T1 chơi bời, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở khoảng 8 lần trong thời gian sống cùng với anh T1, sau đó anh T1 sang xin lỗi và hứa sẽ không chơi bời nữa, vì thương con cho nên chị lại về chung sống với anh T1 nhưng chỉ được một thời gian ngắn anh T1 lại tái diễn. Đầu tháng 2/2024 anh T1 không chịu làm ăn mà chơi bời lêu lổng, chị có nói thì vợ chồng cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau vì thế chị đã mang cháu C về nhà bố mẹ đẻ chị ở và anh, chị đã cắt đứt mọi liên lạc với nhau. Gia đình cũng đã nhiều lần động viên, khuyên bảo chị về chung sống với anh T1 nhưng do anh T1 không chịu thay đổi cho nên chị đã không về. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn cho nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T1 để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T1 sinh được 01 con chung là cháu Phạm Minh C, sinh ngày 10/8/2023, hiện nay chị đang nuôi cháu. Nếu ly hôn, chị xin được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công việc tự do và bán hàng trên mạng, công việc ổn định, thu nhập khoảng 15.000.000đồng/tháng; ngoài ra chị còn được sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ trong việc chăm sóc cháu C cho nên chị có đủ điều kiện để nuôi cháu ăn học. Chị không đồng ý để anh T1 nuôi con vì anh T1 không có việc làm và thu nhập gì, anh T1 vẫn chơi bời lêu lổng cho nên không có điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung; công sức; công nợ; ruộng canh tác: Chị T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Minh T1 được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T1 và bà nội anh T1 là cụ Hoàng Thị V đã nhận thay anh T1 các văn bản tố tụng, tuy nhiên anh T1 đã không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập đương sự của Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã xác định quan hệ hôn nhân, con chung giữa chị T và anh T1, được hai bên gia đình cung cấp như sau:

* Bà Lương Thị V1 là mẹ đẻ chị T cho biết: Trong thời gian anh T1 và chị T chung sống với nhau hai anh, chị đã thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau do do anh T1 không có trách nhiệm gì với vợ con, anh T1 đi làm nhưng không mang tiền về đưa cho chị T để chi tiêu trong sinh hoạt gia đình, anh T1 đi làm được bao nhiêu tiền thì chơi bời hết, chị T đã về nhà bà ở khoảng 8 lần vì hai anh, chị cãi nhau, hai bên gia đình cũng nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng mâu thuẫn của hai anh, chị ngày càng trở nên trầm trọng. Đầu tháng 02/2024 chị T có mang cháu C về nhà bà ở vì anh T1 không chịu làm ăn mà chơi bời lêu lổng. Bà V1 xác định chị T và anh T1 khó có thể tiếp tục về chung sống với nhau được nữa vì chị T đã cho anh T1 rất nhiều cơ hội nhưng anh T1 không chịu thay đổi, việc ăn ở hay ly hôn là do chị T tự quyết định. Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Phạm Minh C sinh ngày 10/8/2023, hiện nay chị T đang nuôi cháu, nếu chị T và anh T1 ly hôn thì bà đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu C cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đến tuổi thành niên vì chị T có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy cháu C ăn học và gia đình bà sẽ tự nguyện hỗ trợ chị T chăm sóc cháu C còn anh T1 không thể chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C vì anh T1 không có việc làm và thu nhập gì, anh T1 vẫn chơi bời lêu lổng.

Cụ Hoàng Thị V là bà nội anh T1 cho biết: Sau khi chị T và anh T1 kết hôn với nhau thì hai anh, chị về chung sống cùng với cụ và mẹ đẻ anh T1 là bà Bà Đinh Thị D. Trong thời gian anh T1 và chị T chung sống với nhau hai anh, chị đã xảy ra mâu thuẫn và chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị T ở vài lần, nguyên nhân mâu thuẫn của hai anh, chị như thế nào thì cụ cũng không rõ, hiện nay chị T đã mang cháu C về nhà bố mẹ đẻ chị T ở. Gia đình cũng động viên, khuyên bảo chị T về chung sống với anh T1 nhưng chị T kiên quyết không về. Chị T làm đơn xin ly hôn anh T1, cụ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Phạm Minh C, sinh ngày 10/8/2023, hiện nay chị T đang nuôi cháu, nếu chị T và anh T1 ly hôn thì cụ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì cháu C là con chung của hai anh, chị.

UBND xã N cung cấp: Chị T và anh T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đã được UBND xã N đăng ký kết hôn ngày 06/6/2023. Trong thời

gian chị T và anh T1 chung sống với nhau hai anh, chị có mâu thuẫn gì hay không thì được phương không nắm được. Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Phạm Minh C, sinh ngày 10/8/2023, hiện nay chị T đang nuôi cháu. Chị T xin ly hôn anh T1 và xin được nuôi con chung, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Phạm Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Phạm Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Phạm Minh T1. Về con chung: Giao cho chị T tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Minh C, sinh ngày 10/8/2023 đến tuổi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. Về tố tụng: Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Phạm Minh T1, hiện đang cư trú tại: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên ly hôn và giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kim Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Nguyên đơn là chị Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn anh Phạm Minh T1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày 06/6/2023 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay chị T xin ly hôn anh T1 sẽ được áp dụng Luật hôn nhân gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Về mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh T1: Quá trình giải quyết vụ án chị T xác nhận trong thời gian chị và anh T1 chung sống với nhau vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do T1 đi làm được bao nhiêu tiền thì anh T1 chơi bời hết mà không đưa tiền cho chị T nuôi con và chi tiêu trong sinh hoạt hàng ngày và không có trách nhiệm gì với vợ con vì thế mà vợ chồng đã lờn qua tiếng lại cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau. Chị và hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T1 không nghe, không sửa đổi, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ rất nhiều lần và lần cuối cùng từ tháng 02/2024 cho đến nay và hai anh, chị đã ly thân nhau. Từ khi ly thân nhau hai bên không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh T1 để sớm ổn định cuộc sống, lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của đại diện hai bên gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do, thể hiện sự thiếu thiện chí và vi phạm nghĩa vụ của bị đơn, gây khó khăn cho nguyên đơn trong việc giải quyết vụ án. Xét thấy, đã có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn của chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì cần giải quyết cho chị T và anh T1 ly hôn để các bên sớm có điều kiện ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Phạm Minh C, sinh ngày 10/8/2023, hiện nay chị T đang nuôi cháu. Quan điểm của chị T xin được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C cho đến khi cháu thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T2 không đến Tòa án khai báo và không có ý kiến gì về con chung.

HĐXX xét thấy, từ khi chị T và anh T2 sống ly thân, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C khi cháu còn rất nhỏ và hiện nay vẫn đang nuôi cháu đảm bảo về mặt vật chất cũng như tinh thần. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất và sự ổn định của cháu cần tiếp tục giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C cho đến khi cháu thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T2 được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung; công sức; công nợ; ruộng canh tác: Chị T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51; 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4

Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Thư T ly hôn anh Phạm Minh T1.

2. Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Phạm Minh C, sinh ngày 10/8/2023, hiện đang ở cùng với mẹ. Giao cho chị T được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T2 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ với 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001783 ngày 22/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV& THA-TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện Kim Động
- UBND xã Nghĩa Dân (GCNKH số 20/2023, ngày 06/6/2023);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Quyền

